

Số: /BC-SNN&PTNT

Vĩnh Phúc, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO
Kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020,
Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2020-2021

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2019-2020

Sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 chịu tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, thời tiết có nhiều diễn biến bất thường, từ ngày 22-24/4/2020 trên địa bàn tỉnh chịu tác động của không khí lạnh và mưa lớn làm ảnh hưởng đến khả năng thụ phấn trên diện tích lúa trổ sớm. Bên cạnh ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh Covid-19 hoành hành cũng ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo của các cấp chính quyền; công tác thông tin tuyên truyền các mục tiêu, chủ trương, định hướng của ngành và tập huấn kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ sinh vật hại cây trồng trong vụ Đông Xuân. Song được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp tích cực của các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thành phố và sự cố gắng của bà con nông dân trong tỉnh, sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 đã đạt được những kết quả sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT

1. Kết quả diện tích, năng suất, sản lượng cây hàng năm

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm 38.425,3 ha, đạt 99,29% kế hoạch, giảm 0,92% so với cùng kỳ (giảm 358,4 ha, nguyên nhân chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang phát triển công nghiệp, xây dựng cơ sở hạ tầng,...). Diện tích cây lương thực có hạt 32.094,2 ha, giảm 1,25% so với cùng kỳ (giảm 405,2 ha); Năng suất các loại cây: lúa, ngô, rau các loại vụ Đông Xuân 2019-2020 giảm so với cùng kỳ; sản lượng lương thực có hạt 194.051,2 tấn, giảm 6.227,2 tấn so với cùng kỳ.

Tổng giá trị sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 (tính theo giá thực tế) đạt trên 2.180 tỷ đồng.

1.1. Cây lúa

- Diện tích: 29.886,6 ha, đạt 101,31 % kế hoạch, giảm 0,88% so với cùng kỳ (giảm 264,2 ha).

- Năng suất: 61,13 tạ/ha, đạt 97,04% kế hoạch, giảm 1,89% so với cùng kỳ (giảm 1,18 tạ/ha).

- Sản lượng: 182.704,0 tấn, đạt 98,31% kế hoạch, giảm 2,76% so với cùng kỳ (giảm 5.176,1 tấn).

- Cơ cấu trà lúa: Diện tích trà lúa Xuân muộn được giữ ổn định (đây là trà cho năng suất cao). Cụ thể:

+ Diện tích trà lúa Xuân muộn: 27.192,4 ha chiếm tỷ lệ 90,99%, năng suất bình quân đạt 61,50 tạ/ha.

+ Diện tích trà lúa Xuân sớm: 2.694,2ha chiếm tỷ lệ 9,01%, năng suất bình quân đạt 57,42 tạ/ha.

- Cơ cấu giống lúa: Diện tích các giống lúa chất lượng đạt 22.452,9 ha, chiếm 75,3% cơ cấu giống của tỉnh; các giống lúa truyền thống đã giảm đáng kể như: Khang dân 18 chỉ còn 14,5%.

1.2. Cây ngô

- Diện tích: 2.207,6 ha, đạt 91,98% kế hoạch, giảm 6,0% so với cùng kỳ.

- Năng suất: 51,4 tạ/ha, đạt 96,98% kế hoạch, giảm 2,63% so với cùng kỳ.

- Sản lượng: 11.374,2 tấn, đạt 89,21% kế hoạch, giảm 8,48% so với cùng kỳ.

1.3. Cây lạc

- Diện tích: 1.629,2 ha, đạt 95,84% so kế hoạch, giảm 5,39% so với cùng kỳ.

- Năng suất: 22,12 tạ/ha, đạt 100,53% so kế hoạch, tăng 0,57% so với cùng kỳ.

- Sản lượng: 3.603,2 tấn, đạt 96,34% so kế hoạch, giảm 4,58% so với cùng kỳ.

1.4. Rau các loại

- Diện tích: 2.475,5 ha, đạt 91,68% kế hoạch, giảm 0,76% so với cùng kỳ.

- Năng suất: 226,89 tạ/ha, đạt 98,65% kế hoạch, giảm 1,55% so với cùng kỳ.

- Sản lượng: 56.165,6 tấn, đạt 90,44% kế hoạch, giảm 2,3% so với cùng kỳ.

1.5. Cây hàng năm khác

Diện tích các loại cây trồng như đậu tương, cây thức ăn gia súc, hoa các loại đều tăng hơn so với cùng kỳ. Diện tích các cây đậu đỗ các loại, khoai lang giảm hơn so với cùng kỳ.

(Chi tiết tại Bảng 02, 03, 04, 05 phần phụ lục)

2. Thực hiện hỗ trợ sản xuất nông nghiệp

Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp; vụ Đông Xuân 2019-2020, Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các đơn vị: Trung tâm Giống Nông nghiệp triển khai trợ giá, trợ cước giống lúa; Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ giống lúa năng suất chất lượng, hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ diệt chuột. Kết quả:

- Về hỗ trợ giống lúa chất lượng và trợ giá, trợ cước: Hỗ trợ 981,854 tấn, tương ứng với diện tích 20.106,5 ha, gồm các giống: TBR225, Thiên ưu 8, ADI28, DQ11, DT39 Quê Lâm, HT1, Q5 và Nếp IRI352. Các giống được hỗ trợ đều sinh trưởng, phát triển tốt, cho năng suất cao.

- Về hỗ trợ cơ giới hoá vào sản xuất: Từ đầu năm đến nay đã hỗ trợ máy phục vụ sản xuất trồng trọt 402 máy, gồm: 33 máy làm đất công suất trên 35 mã lực, 196

máy làm đất công suất dưới 35 mã lực, 160 máy lên luống, 13 máy gạt đập liên hợp. Các loại máy được hỗ trợ đều được sử dụng hết công suất, mang lại hiệu quả thiết thực cho người sản xuất, tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất ngày càng tăng (làm đất: Lúa đạt 94,5%, rau màu đạt 48,8%; thu hoạch lúa đạt 78,5%).

- Công tác diệt chuột: Sở đã xây dựng kế hoạch và phối hợp với các địa phương tổ chức diệt chuột năm 2020. Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông phối hợp với các địa phương thực hiện hỗ trợ 2.296 kg thuốc Ranpart 2%DS. Lượng thóc trộn làm môi bả do cấp huyện, cấp xã hỗ trợ và nông dân đóng góp là 65.600 kg. Qua điều tra ngoài đồng ruộng cho thấy, lượng môi bả đã đánh có tỷ lệ chuột ăn cao trên 80%; Theo tính toán, mỗi gói thuốc tiêu diệt được khoảng 5-7 con chuột; như vậy trong đợt 1 diện tích được phòng trừ chuột 16.400 ha, số chuột đã tiêu diệt được trên 1,3 triệu con.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo

- Ngành Nông nghiệp & PTNT luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên và sâu sát của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;

- Sở Nông nghiệp & PTNT cùng các ngành liên quan luôn phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn kỹ thuật gieo trồng, chăm sóc, phòng chống rét, sâu bệnh cho lúa và rau màu. Các địa phương đã sớm chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất, phương án tưới tiêu, phương án BVTV sát với tình hình thực tiễn, phù hợp với điều kiện của từng nơi nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng sinh thái, mang lại hiệu quả cho người sản xuất;

- Các đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở chủ động phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế), trạm Khuyến nông cấp huyện xây dựng nhiều mô hình trình diễn để nông dân tham quan, học tập, làm cơ sở nhân rộng trong các vụ tiếp theo.

2. Công tác quản lý Nhà nước về Vật tư nông nghiệp - An toàn thực phẩm

- Thanh tra Sở, Chi cục Trồng trọt & BVTV đã tiến hành 03 đợt kiểm tra. Nội dung chủ yếu là kiểm tra việc chấp hành các quy định trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Kết quả kiểm tra tại 48 tổ chức, cá nhân đã phát hiện 03 tổ chức, cá nhân có hành vi VPHC; Quyết định xử phạt với tổng số tiền xử phạt VPHC: 9,84 triệu đồng.

- Chi cục Trồng trọt và BVTV đã triển khai 01 cuộc kiểm tra tại 03 cơ sở sản xuất rau, quả trên địa bàn. Tiến hành lấy 05 mẫu rau, quả; kết quả phân tích các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn theo quy định;

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và thủy sản đã kiểm tra, lấy 733 mẫu rau củ quả gửi đi phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, cụ thể: 653 mẫu (test nhanh) dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; 80 mẫu gửi phân tích định lượng; kết quả các mẫu đạt yêu cầu.

Qua thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, mang tính răn đe, qua đó phát huy được hiệu quả quản lý

nhà nước. Đồng thời, các đoàn thanh tra, kiểm tra đã thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý của ngành để thực hiện tốt các quy phạm, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành nhằm nâng cao ý thức của các tổ chức cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ, PHỤC VỤ SẢN XUẤT

1. Công tác tuyên truyền, chuyển giao và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật (TBKHKT)

- Các đơn vị trực thuộc Sở đã xây dựng kế hoạch, chủ động phối hợp với cơ quan thông tin đại chúng: Đài PT - TH tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin Nông nghiệp & PTNT, hệ thống truyền thanh cơ sở; thông qua các hội nghị, hội thảo,... để tuyên truyền sâu rộng, phổ biến các chủ trương, định hướng của tỉnh về các chính sách sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020. Đồng thời, hướng dẫn người sản xuất thực hiện đúng cơ cấu giống, thời vụ; những giống cây trồng mới, giới thiệu các mô hình sản xuất có hiệu quả, kỹ thuật canh tác tiên tiến, vấn đề an toàn thực phẩm, thông tin thị trường, diễn biến của thời tiết, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, định hướng cho từng vùng sinh thái trong việc bón phân cân đối, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời và các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và biện pháp khắc phục.

- Tổ chức 03 lớp FFS cho 105 lượt nông dân tiêu biểu của tỉnh về chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM trên cây ăn quả.

- Tổ chức được 24 lớp tập huấn cho 2.400 lượt nông dân trên địa bàn tỉnh về kỹ thuật thâm canh, chăm sóc lúa cây bằng mạ khay, máy cấy, kỹ thuật trồng và chăm sóc cây na. Tổ chức 9 hội nghị thăm quan đầu bờ, tổng kết mô hình cho 800 người tham gia.

- Hướng dẫn sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ sinh học, phân vi sinh, phân bón lá, sử dụng phân bón cân đối, hợp lý; áp dụng những TBKT như: Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), hệ thống canh tác lúa cải tiến (SRI), thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP); kỹ thuật cấy lúa hiệu ứng hàng biên,... để nông dân biết, ứng dụng vào sản xuất, góp phần giảm chi phí đầu vào, hạn chế sâu bệnh hại, bảo vệ môi trường, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm nông sản.

- Triển khai 04 mô hình trình diễn với quy mô 90,5 ha; gồm:

+ 01 mô hình ứng dụng mạ khay, cấy máy với quy mô 62,5 ha tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên (Năng suất lúa trong mô hình cao hơn năng suất đối chứng trung bình 6,5 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng 10,2 triệu đồng so với sản xuất thông thường).

+ 02 mô hình trình diễn một số giống ngô với quy mô 20 ha; gồm: Giống ngô CP511, quy mô 10 ha tại xã Trung Kiên - huyện Yên Lạc; giống DK9955S, quy mô 10 ha tại xã Bạch Lưu - huyện Sông Lô. Kết quả cả hai giống này đều cho năng suất đạt trên 50 tạ/ha; hiệu quả kinh tế đạt trên 22,2 triệu đồng/ha.

+ 01 mô hình chuyển đổi đất đồi trồng cây lâm nghiệp kém hiệu quả sang

trồng Na dai với quy mô 08 ha tại các xã: Bồ Lý, Yên Dương - huyện Tam Đảo. Qua theo dõi cho thấy cây na sinh trưởng, phát triển tốt, dự kiến đây là cây trồng phù hợp để thay thế một số cây lâm nghiệp kém hiệu quả.

2. Công tác BVTV và kiểm dịch thực vật

Các hoạt động nghiệp vụ về BVTV và kiểm dịch thực vật được thực hiện thường xuyên, đúng quy định, không để xảy ra các vi phạm về Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật. Công tác phòng trừ sâu bệnh và chuột hại trong vụ được quan tâm chỉ đạo quyết liệt; Sở đã chỉ đạo Chi cục Trồng trọt và BVTV triển khai, thực hiện tốt công tác dự tính, dự báo, phát hiện sớm, chính xác và ra thông báo chỉ đạo kịp thời, sát thực, không để sâu bệnh phát sinh trên diện rộng, diện tích bị nhiễm được phòng trừ kịp thời đã hạn chế tối đa thiệt hại do sâu bệnh gây ra và bảo vệ an toàn cho sản xuất. Kết quả cụ thể:

- Tổng diện tích nhiễm sâu, bệnh hại trong vụ: 3.642,05 ha (bằng 86,2% CKNT); trong đó: diện tích nhiễm nhẹ 2.537,25 ha (bằng 74,8% CKNT); nhiễm trung bình 851,8 ha (bằng 121,4% CKNT); nhiễm nặng 252,0 ha (bằng 192,8% CKNT); mất trắng 1,0 ha (bằng 200% CKNT). Diện tích phòng trừ 19.356,4 ha (bằng 95,2% CKNT), chủ yếu là phòng trừ chuột 16.570,1 ha). Riêng cây lúa, diện tích nhiễm sinh vật hại: 3.528,85 ha (bằng 86,4% CKNT); trong đó: diện tích nhiễm nhẹ 2.425,25 ha (bằng 74,6% CKNT); nhiễm trung bình 850,6 ha (bằng 121,2% CKNT); nhiễm nặng 252,0 ha (bằng 192,8% CKNT); mất trắng 1 ha (bằng 200% CKNT). Diện tích phòng trừ 19.275,4 ha (bằng 95,4% CKNT).

- Tỷ lệ thiệt hại bình quân do sâu bệnh gây ra trong vụ Đông Xuân 2019 - 2020 là 0,47%, cao hơn cùng kỳ năm trước (CKNT thiệt hại bình quân 0,36%).

3. Về thủy lợi

Ngay từ đầu vụ, Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo, yêu cầu Chi cục Thủy lợi phối hợp với các Công ty TNHH MTV thủy lợi, phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) các huyện, thành phố tiến hành nạo vét kênh mương, cửa các trạm bơm, tu bổ, sửa chữa các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất; theo dõi chặt chẽ lịch xả nước của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bơm hết công suất các trạm bơm ven sông như: Bạch Hạc, Đại Định,... phục vụ đở ải, trữ nước vào vùng trũng, vận hành các trạm bơm đã chiến cấp nước và tưới dưỡng cho lúa. Thực hiện tưới tiết kiệm, hiệu quả, cơ bản đảm bảo đủ nước phục vụ tưới cho diện tích cây trồng vụ Đông Xuân 2019-2020.

4. Về dịch vụ giống cây trồng

Nhu cầu về giống cho sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 trên toàn tỉnh khoảng 1,9 nghìn tấn giống cây trồng các loại. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng của tỉnh đã cung ứng gần 1,3 nghìn tấn giống lúa, ngô các loại,... đáp ứng được trên 68% nhu cầu sản xuất. Các đơn vị ngoài tỉnh cung ứng trực tiếp đến các địa phương, hộ nông dân trong tỉnh khoảng 20 - 25% lượng giống các loại. Số còn lại chủ yếu do các hộ nông dân tự tổ chức nhân giống (sản xuất giống nông hộ) để phục vụ sản xuất. Do vậy, chất lượng giống cung ứng cơ bản đáp ứng yêu cầu.

5. Về dịch vụ vật tư, phân bón

Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo các đơn vị cung ứng chuẩn bị đủ các loại vật tư: Giồng, phân bón, thuốc BVTV,... đảm bảo chất lượng, giá cả phù hợp phục vụ sản xuất, góp phần bình ổn giá. Hội Nông dân tỉnh cũng mở rộng liên kết, thực hiện cung ứng trả chậm được trên 420 tấn phân bón các loại (gồm NPK: 350 tấn, đạm: 50 tấn và kali: 20 tấn), qua đó góp phần tháo gỡ khó khăn cho nông dân trong tỉnh.

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Những kết quả đạt được từ các cơ chế, chính sách hỗ trợ Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp đã khuyến khích, thúc đẩy phát triển sản xuất; các địa phương đã chủ động xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất theo định hướng Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phù hợp với lợi thế của vùng; chất lượng hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp ngày càng được nâng cao; sản xuất có sự thay đổi, một số tổ chức, cá nhân mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hoá tập trung, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi giá trị và nhu cầu thị trường; các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới hiệu quả được áp dụng vào thực tiễn. Cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng được đẩy mạnh ở tất cả các khâu: từ làm đất, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển, sơ chế bảo quản,... Tuy nhiên, trong sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân chủ yếu:

1. Một số tồn tại, hạn chế

- Việc triển khai các chủ trương, chính sách ở một số địa phương còn chậm, không đảm bảo kế hoạch.
- Quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất diễn ra chậm. Doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp chưa nhiều.
- Các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; nông sản có thương hiệu của tỉnh chưa nhiều. Việc áp dụng cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất còn thấp.
- Trong tiêu thụ sản phẩm lĩnh vực bảo quản chế biến sau thu hoạch chưa được đầu tư, chú trọng.
- Ở một số nơi, nhiều hộ dân chưa thực sự quan tâm, chưa chú trọng phòng chống dịch hại theo chỉ đạo, hướng dẫn của các đơn vị chuyên môn.
- Hoạt động của nhiều HTX Nông nghiệp chưa hiệu quả, các hình thức tổ chức sản xuất: Tổ hợp tác, HTX nông nghiệp kiểu mới, HTX chuyên cây chưa phát triển. Khả năng cạnh tranh sản phẩm trồng trọt còn thấp.

2. Nguyên nhân

- Thời tiết khí hậu diễn biến bất thường, dịch hại trên cây trồng diễn biến phức tạp; sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất đặc thù, chịu tác động trực tiếp của thiên nhiên, tính rủi ro cao, hiệu quả sản xuất và lợi nhuận thấp,... Do vậy, một số nơi người dân chuyển sang ngành nghề khác có thu nhập cao hơn; các doanh nghiệp và người nông dân ở một số nơi chưa chú trọng đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Do Luật Đất đai quy định về hạn điền, quy hoạch sử dụng đất ở một số địa phương chưa ổn định nên người dân còn có tư tưởng giữ đất nên chưa khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cơ sở một số địa phương chưa quyết liệt, một số nơi chưa thực sự vào cuộc trong chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn phòng trừ dịch hại.

- Do phát triển kinh tế xã hội của tỉnh (xây dựng các cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu giãn dân, đường giao thông,...) gây ảnh hưởng đến công tác tưới tiêu, làm giảm diện tích gieo trồng.

- Người sản xuất thiếu vốn đầu tư cho sản xuất. Ruộng đất manh mún, nhỏ lẻ khó đưa cơ giới hóa vào sản xuất, khả năng đầu tư thấp. Số lượng, chất lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng giảm; lực lượng lao động trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng thiếu hụt.

- Chất lượng, mẫu mã sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu. Năng lực tổ chức, quản lý sản xuất tìm kiếm thị trường của HTX còn yếu.

- Dịch bệnh Covid-19 hoành hành đã ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tập huấn, tuyên truyền, chỉ đạo sản xuất, phòng chống dịch hại của các cấp chính quyền.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN NĂM 2020-2021

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, ĐÁNH GIÁ NGUỒN NƯỚC

Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Vĩnh Phúc, hiện tượng La Nina (hiện tượng nước biển lạnh đi so với bình thường) có khả năng sẽ duy trì từ nay cho tới những tháng đầu năm 2021.

Nhiệt độ trung bình phân bố không đồng đều trong các tháng, cụ thể: Từ tháng 01 - 3/2021 phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN. Riêng tháng 11, 12/2020 nhiệt độ phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 0,5-1,0 độ C. Đợt rét đậm rét hại đầu tiên có khả năng đến sớm hơn so với TBNN (khoảng từ 25-26/12/2020) và có khả năng gây ra 3 - 5 đợt rét đậm, rét hại. Phần lớn các đợt chỉ kéo dài từ 2 đến 4 ngày, riêng từ nửa cuối tháng 12/2020 và tháng 01/2021 có khả năng xuất hiện các đợt rét đậm kéo dài 7-10 ngày.

Lượng mưa: Tháng 11/2020 Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến xấp xỉ so với TBNN. Tháng 12/2020-02/2021, tổng lượng mưa tháng phổ biến từ 10-30mm có nơi trên 40mm. Tháng 3-4/2021, tổng lượng mưa phổ biến xấp xỉ so với TBNN.

Thủy văn: Lượng nước ở hạ du các sông thuộc Bắc bộ thiếu hụt so với TBNN, hạ lưu sông Lô thiếu hụt từ 10-30%; trong tháng 11, 12/2020 mực nước trên các sông suối Bắc bộ có xu thế biến đổi chậm và giảm dần. Từ tháng 01-4/2021, mực nước trên các sông biến đổi chậm **và khả năng sẽ xuất hiện mực nước thấp nhất năm vào tháng 02, 3/2021**. Có thể xảy ra thiếu nước cục bộ và khô hạn tại các vùng đồi núi và trung du trong tỉnh, đặc biệt là ở các khu vực không có hồ chứa.

- Tình hình thủy văn sông, hồ tại Vĩnh Phúc

+ **Các hồ chứa nhỏ:** Dự kiến sau khi hoàn thành tưới cây vụ Đông, dung tích các hồ chứa nhỏ đạt khoảng 62% dung tích thiết kế đạt 10/16 triệu m³.

+ **Các hồ chứa lớn:** Tổng dung tích đến thời điểm 21/10/2020 đạt 69,92 triệu m³ so với thiết kế đạt 85,63 %, cao hơn so với cùng kì năm 2019 là 8,58 triệu m³, sau khi hoàn thành cây vụ đông dự kiến còn khoảng 55 triệu m³.

- Mục nước các dòng chảy trên các sông suối

Hiện tại (ngày 21/10/2020) tình hình mực nước trên các sông Hồng, sông Lô thấp hơn TBNN, sông Phó Đáy thấp hơn TBNN và cao hơn năm 2019.

Theo Chi cục Thủy lợi tính toán cân bằng nước trên địa bàn phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021, thì nguồn nước hiện tại trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo cấp đủ nước cho diện tích gieo trồng 38.500ha vụ Đông Xuân 2020-2021.

II. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng mở rộng diện tích cây hàng hoá có năng suất, chất lượng, giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ; mở rộng quy mô các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá để tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn tập trung.

- Tuyên truyền sâu, rộng chủ trương dồn thửa, đổi ruộng của tỉnh nhằm góp phần đẩy mạnh áp dụng tiến bộ KHKT, cơ giới hóa vào sản xuất, nhất là gieo trồng (mạ khay, cấy máy) và thu hoạch, bảo quản để giảm áp lực lúc thời vụ, hạ giá thành sản phẩm. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuê ruộng, gom ruộng để sản xuất tập trung nhằm tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, sức cạnh tranh cao; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, dần hình thành nhiều mô hình “sản xuất theo chuỗi giá trị” trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền mở rộng áp dụng các TBKT được đánh giá có hiệu quả vào sản xuất như: Quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ,... nhằm tránh nguy cơ ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái do lạm dụng phân bón vô cơ và thuốc BVTV.

- Làm tốt công tác đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm trong sản xuất trồng trọt. Bón phân đủ, cân đối; tăng cường sử dụng phân bón tổng hợp, phân hữu cơ, hữu cơ vi sinh, phân hữu cơ sinh học, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, thảo mộc.

- Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa của tỉnh; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư vào sản xuất, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt trên địa bàn. Từng bước đăng ký mã vùng, đăng ký thương hiệu cho một số sản phẩm hàng hóa của tỉnh;

- Chủ động các phương án phòng chống thiên tai, dịch hại. Sử dụng nguồn nước tưới hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các chỉ tiêu chủ yếu

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm: 38.500,0 ha. Trong đó:
 - + Diện tích cây Lúa: 29.500 ha
 - + Diện tích cây Ngô: 2.200 ha
- Tổng sản lượng lương thực cây có hạt: 196.625,0 tấn; Trong đó:
 - + Sản lượng lúa: 184.965,0 tấn.
 - + Sản lượng ngô: 11.660,0 tấn.
- Phần đầu giá trị sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021 (theo giá thực tế) đạt trên 2.260 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Bảng 06 phần phụ lục)

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Tăng cường công tác chỉ đạo sản xuất

- Các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp & PTNT làm tốt công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất. Trên cơ sở chủ trương, định hướng của tỉnh về tái cơ cấu nông nghiệp, các địa phương cần cụ thể hoá cho phù hợp với thực tế, bám sát tình hình sản xuất để có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, kịp thời, thực sự coi đây là nhiệm vụ quan trọng cần được ưu tiên.

- Sở Nông nghiệp & PTNT phân công lãnh đạo Sở, lãnh đạo và chuyên viên các phòng, ban, đơn vị liên quan theo dõi, tăng cường xuống cơ sở cùng địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2020 - 2021; kịp thời phát hiện và đề xuất các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Các huyện, thành phố phân công lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thường xuyên bám sát cơ sở, tổ chức hướng dẫn nông dân thực hiện tốt cơ cấu giống cây trồng và thời vụ do Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành và các giải pháp kỹ thuật trong sản xuất.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, tổ chức các đợt thanh, kiểm tra định kỳ và đột xuất về chất lượng giống, vật tư phân bón, thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh, không để tình trạng các cửa hàng, đại lý kinh doanh hàng kém chất lượng, hàng giả, hàng không có trong danh mục, hàng cấm sử dụng,... gây ảnh hưởng đến sản xuất. Kết quả thanh, kiểm tra phải được thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; các hành vi vi phạm sẽ được công bố công khai để nhân dân trong tỉnh biết, phòng tránh.

- Tập trung chỉ đạo các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan phối hợp với các đơn vị chuyên môn cấp huyện triển khai thực hiện tốt các cơ chế hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong vụ Đông Xuân 2020-2021.

2.2. Bố trí cơ cấu cây trồng, giống và thời vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương

Thực hiện theo “Hướng dẫn cơ cấu giống cây trồng và thời vụ năm 2021” của Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành. Cụ thể:

a) Đối với cây lúa

Tùy thời gian sinh trưởng của từng giống, điều kiện thực tế của địa phương để bố trí thời vụ gieo cấy phù hợp đảm bảo lúa phân hóa đồng và trở gặt thời tiết thích hợp (trở xung quanh từ ngày 25/4 - 05/5 dương lịch).

- Về cơ cấu trà lúa: Mở rộng tối đa diện tích trà lúa Xuân muộn, vì đây là trà lúa giảm được chi phí đầu tư và ảnh hưởng của thời tiết bất thuận, sâu bệnh hại, cho năng suất cao và ổn định mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Về cơ cấu giống, thời vụ:

+ Trà lúa Xuân sớm: Chỉ bố trí trên các chân đất rón trũng, dễ ngập úng; sử dụng các giống dài ngày như: Xi23, X21, NX30,...; thời vụ gieo từ ngày 15 - 25/11/2020; tuổi mạ: 5 - 6 lá.

+ Trà lúa Xuân muộn: Đây là trà lúa chủ lực, bố trí chủ yếu trên các chân đất vằn thấp, vằn, vằn cao chủ động nước. Sử dụng các giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn (dưới 130 ngày), có tiềm năng năng suất cao, chất lượng gạo khá như: TBR225, Thiên ưu 8, DQ11, ADI 28, DT39 Quế Lâm, Sơn Lâm 2, Hà Phát 3, ĐT 100,... Thời vụ gieo từ ngày 25/01 - 05/02/2021. Áp dụng biện pháp làm mạ có che phủ nilon đúng kỹ thuật để chống rét và chim, chuột phá hại; tuổi mạ 2,5 - 3,5 lá, cấy xong trong tháng 02/2021.

b) Đối với cây Ngô

Sử dụng các giống ngô như: NK4300, CP511, CP 512, LVN61, ngô nếp, ngô ngọt... Thời vụ gieo từ ngày 20/01-15/02/2021.

c) Đối với cây Đậu tương

Bố trí trên chân đất cao hạn, khô nước, chuyên trồng rau màu. Sử dụng các giống DT84, DT2008, DT96, ĐT26... gieo từ ngày 05/02-20/2/2021.

d) Đối với cây Lạc

Bố trí trên đất có thành phần cơ giới nhẹ. Sử dụng các giống L14, L15, L18,... thời vụ gieo từ ngày 15/01 - 15/02/2021.

đ) Đối với rau màu và cây hàng năm khác

Thực hiện đa dạng hoá chủng loại sản phẩm rau nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng diện tích sản xuất rau an toàn, đẩy mạnh áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP). Tăng cường công tác quản lý, giám sát chất lượng từ khâu sản xuất đến tiêu thụ. Tập trung triển khai, mở rộng xây dựng các vùng trồng trọt sản xuất hàng hoá đã cho hiệu quả (bí đỏ, dưa chuột, cà chua, ớt, su su, khoai tây,...).

2.3. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền

- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng: Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Vĩnh Phúc, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin Nông nghiệp & PTNT, hệ thống truyền thanh cơ sở, các hội nghị, các lớp tập huấn, các tờ rơi... tích cực tuyên truyền sâu rộng, phổ biến các chủ trương, định hướng của tỉnh về sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021: Hướng dẫn thực hiện đúng cơ cấu giống, thời vụ;

giới thiệu các mô hình sản xuất có hiệu quả, kỹ thuật thâm canh, những giống cây trồng mới, vấn đề an toàn thực phẩm, thông tin thị trường, diễn biến của thời tiết, các vấn đề phát sinh trong quá trình sản xuất và biện pháp khắc phục. Đặc biệt, tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn nông dân về kỹ thuật canh tác tiên tiến, sử dụng phân bón cân đối và phòng trừ sinh vật hại kịp thời, bảo vệ an toàn cho sản xuất.

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động về giống cây trồng thực hiện tốt Chỉ thị số 20/CT-CT ngày 07/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý giống cây trồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2.4. Làm tốt các dịch vụ phục vụ sản xuất gắn liền công tác quản lý nhà nước

a) Về giống, vật tư, phân bón, thuốc BVTV.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT, các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp: Giống, phân bón, thuốc BVTV,... theo chức năng nhiệm vụ được giao, căn cứ định hướng cơ cấu giống cây trồng, thời vụ sản xuất của tỉnh để chuẩn bị đủ giống tốt và các loại vật tư (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất. Giao Trung tâm Giống nông nghiệp phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan chuẩn bị đủ giống có phẩm cấp, chất lượng tốt để phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021; đồng thời từng bước tăng cường sản xuất giống tại chỗ để chủ động đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất.

- Đẩy mạnh sử dụng giống cây trồng có năng suất, chất lượng vào sản xuất, nhất là giống lúa chất lượng để nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, dịch vụ cung ứng giống và vật tư phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở chấp hành tốt các quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục theo dõi khảo nghiệm, thử nghiệm, trình diễn các giống cây trồng mới có triển vọng nhằm chọn ra giống tốt, phù hợp để đưa vào cơ cấu giống cây trồng của tỉnh trong các vụ sản xuất tiếp theo.

- Làm tốt công tác Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực phân bón, sử dụng các loại phân bón có trong danh mục, ưu tiên sử dụng các loại phân bón hữu cơ sinh học, phân bón vi sinh,... phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đánh giá một số loại thuốc BVTV sinh học, thảo mộc có hiệu quả phòng trừ các đối tượng dịch hại để đưa vào sản xuất nhằm hạn chế sử dụng các loại thuốc hóa học độc hại.

- Thường xuyên kiểm tra mạng lưới các cửa hàng, đại lý kinh doanh vật tư nông nghiệp nhằm tránh tình trạng kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng cấm sử dụng và nhập lậu gây ảnh hưởng đến sản xuất.

b) Công tác bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật

- Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật (cây lúa hiệu ứng hàng biên,

SRI, 3 giảm 3 tăng, IPM, thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP) ngay từ đầu vụ để cây trồng sinh trưởng khỏe, tăng khả năng chống chịu sâu, bệnh hại và các điều kiện ngoại cảnh bất thuận.

- Giao Chi cục Trồng trọt & BVTV thực hiện tốt các nội dung:

+ Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo, thông báo định kỳ 7 ngày/lần và thông báo tháng (01 lần/tháng); theo dõi, giám sát và phát hiện sớm các đối tượng sinh vật hại trên đồng ruộng. Dự tính, dự báo chính xác về thời gian phát sinh, diễn biến mật độ, quy mô và mức độ gây hại; đề xuất các biện pháp tổ chức chỉ đạo phòng trừ kịp thời, hiệu quả.

+ Tổ chức tốt điều tra bổ sung trước cao điểm sâu, bệnh tháng 4. Ra thông báo cao điểm phòng trừ sâu bệnh kịp thời, chính xác; đề xuất, tham mưu cho các cấp chính quyền tổ chức chỉ đạo phòng trừ đảm bảo an toàn, hiệu quả.

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về bảo vệ thực vật, nhất là các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cao điểm sâu, bệnh... trên các phương tiện thông tin đại chúng.

+ Thực hiện tốt công tác kiểm tra và quản lý việc lưu thông, buôn bán, sử dụng thuốc BVTV, phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm.

+ Làm tốt công tác kiểm dịch thực vật nội địa, phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời các đối tượng KDTV xâm nhập vào tỉnh.

c) Công tác chuyển giao và ứng dụng TBKT

Các đơn vị trực thuộc Sở có liên quan (Chi cục Trồng trọt & BVTV, Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Giống nông nghiệp, Trung tâm Kiểm nghiệm, chứng nhận chất lượng đất và vật tư nông nghiệp, Trung tâm Thông tin Nông nghiệp & PTNT,...) phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) cấp huyện, UBND cấp xã, HTX hướng dẫn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến bà con nông dân, xây dựng các mô hình trình diễn về giống cây trồng mới, phân bón, kỹ thuật canh tác áp dụng cơ giới hóa đồng bộ, mô hình cây lúa theo hiệu ứng hàng biên, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sản xuất theo chuỗi đảm bảo an toàn thực phẩm... để nông dân thăm quan, học tập, nhân rộng mô hình.

Hướng dẫn nông dân tăng cường sử dụng giống có năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung có giá trị kinh tế cao.

d) Về công tác thủy lợi

Chi cục Thủy lợi phối hợp với 4 Công ty TNHH MTV Thủy lợi: Liên Sơn, Tam Đảo, Lập Thạch, Phúc Yên xây dựng kế hoạch và thống nhất lịch trữ nước sớm và phương án tưới cụ thể tới từng địa phương phù hợp với “Hướng dẫn cơ cấu giống cây trồng và thời vụ năm 2021”; Những vùng cao hạn, khó nước, cây lúa hiệu quả thấp cần phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn nông dân chủ động chuyển đổi sang các cây trồng khác sử dụng ít nước, như: ngô, lạc, đậu tương, rau quả các loại,.. (Đối với diện tích tưới cây trồng lấy nước từ 2 hồ có

mức nước thấp như: Bò Lạc chỉ đạt 55, 4 % so với thiết kế và hồ Suối Sải chỉ đạt 21,77 % so với thiết kế, đề nghị Công ty TNHH MTV Thủy lợi Lập Thạch khẩn trương phối hợp chặt chẽ với các địa phương có phương án tưới cụ thể và tuyên truyền, hướng dẫn nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp, hiệu quả);

Các Công ty TNHH MTV Thủy lợi chủ động duy tu, bảo dưỡng các công trình phục vụ tưới, tiêu, nạo vét kênh mương, cửa khẩu, bơm trữ nước phục vụ đò ải và tưới dưỡng cho cây trồng khi có lịch xả nước của Bộ Nông nghiệp & PTNT và Tập Đoàn Điện lực Việt Nam. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, các HTX thông báo đến từng thôn, xóm để bà con nhân dân chủ động lấy nước vào ruộng, trữ vào ao, đầm, trục tiêu,... tập trung lấy nước ngay từ lần xả nước đợt 1, không để tình trạng lấy nước kéo dài nhiều đợt gây thất thoát lãng phí nước, thống nhất lịch tưới cụ thể với từng địa phương. Dự kiến kế hoạch lấy nước của Tổng cục Thủy lợi sẽ gồm 03 đợt, cụ thể như sau: Đợt 1, từ 12/01-15/01/2021 (04 ngày); đợt 2, từ 26/01- 02/02/2021 (08 ngày); đợt 3, từ 22/02-27/02/2021 (6 ngày).

Theo dự báo của Đài Khí tượng thủy văn Vĩnh Phúc, khả năng sẽ xuất hiện mức nước thấp nhất năm vào tháng 02, 3/2021, đúng vào thời kỳ lúa mới cấy và đang đẻ nhánh; do vậy cần chủ động có phương án trữ nước để tưới dưỡng cho lúa.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành sản xuất, nhất là phòng chống thiên tai, hạn hán, các đơn vị và các địa phương phải linh hoạt, nhạy bén, tránh duy ý chí, ảnh hưởng đến sự chỉ đạo, điều hành chung của tỉnh trong sản xuất. Yêu cầu các Công ty TNHH MTV Thủy lợi trong quá trình phục vụ tưới, tiêu, nghiêm túc thực hiện theo chỉ đạo điều hành của Sở Nông nghiệp & PTNT, kịp thời phản ảnh những khó khăn, vướng mắc về Sở để có biện pháp tháo gỡ.

2.5. Vấn đề an toàn thực phẩm

Hiện nay, đảm bảo an toàn thực phẩm đã trở thành một vấn đề được các cấp, các ngành quan tâm hàng đầu cũng như người tiêu dùng, người sản xuất, chế biến sản phẩm. An toàn thực phẩm không chỉ có vai trò quan trọng trong chiến lược bảo vệ sức khỏe con người mà còn góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, các địa phương cần có giải pháp triển khai mạnh mẽ và đồng bộ trong kiểm soát an toàn thực phẩm, nhất là kiểm soát nguồn vật tư đầu vào: Giống, phân bón, nước tưới, thuốc BVTV,... quy trình kỹ thuật canh tác để sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn thực phẩm, ưu tiên sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sử dụng các loại phân bón vi sinh, sinh học, thuốc BVTV thảo mộc và sinh học,...

IV. MỘT SỐ ĐỀ NGHỊ

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT, Cục Trồng trọt, Cục BVTV và các cơ quan Trung ương tiếp tục quan tâm chỉ đạo sản xuất cũng như hỗ trợ các mô hình về phát triển sản xuất hàng hóa, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo chuỗi giá trị,... nhất là các nội dung thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp & PTNT sớm ban hành Chương trình, Kế hoạch

Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở để các tỉnh xây dựng Chương trình, Kế hoạch IPM trên địa bàn tỉnh; tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo giảng viên (TOT) IPM cho các địa phương.

- Đề nghị UBND tỉnh:

+ Tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tăng cường phối hợp với ngành Nông nghiệp & PTNT trong quá trình tổ chức triển khai, kịp thời tháo gỡ khó khăn để thúc đẩy sản xuất phát triển;

+ Tiếp tục có cơ chế, chính sách hỗ trợ trong sản xuất nông nghiệp để thực hiện thành công tái cơ cấu ngành Nông nghiệp.

- Đề nghị UBND cấp huyện:

+ Chỉ đạo các địa phương hướng dẫn nông dân thu hoạch nhanh, gọn cây vụ Đông năm 2020 khi đã đến kỳ thu hoạch để kịp thời lấy nước, tích trữ nước ngay từ lần xả nước đợt 1 phục vụ sản xuất vụ Đông Xuân 2020-2021.

+ Căn cứ tình hình thực tế ở cơ sở, chỉ đạo các phòng chuyên môn chủ động phối hợp với các đơn vị chuyên môn thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT để triển khai có hiệu quả các nội dung hỗ trợ sản xuất nông nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc trong vụ Đông Xuân năm 2020-2021.

+ Tiếp tục quan tâm chỉ đạo quyết liệt vấn đề ATTP trong sản xuất, sơ chế sản phẩm nông sản, mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, hộ nông dân thuê, gom ruộng đất phát triển sản xuất hàng hóa; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả sản xuất vụ Đông Xuân 2019-2020, Kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân năm 2020-2021, đề nghị các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố phối hợp chỉ đạo; yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc sở có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- Cục Trồng trọt, Cục BVTV (B/c);
- TT TU, TT HĐND, TT UBND tỉnh (B/c);
- VPTU, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan (P/h);
- UBND các huyện, thành phố (P/h);
- GD và các PGD Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị của Sở liên quan (T/h);
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, TP (T/h);
- Lưu: VT, CC TT&BVTV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Văn Dũng

PHỤ LỤC

Bảng 01. Diễn biến thời tiết từ vụ Đông Xuân 2015 - 2016 đến nay

Tháng Chỉ tiêu	11	12	1	2	3	4	5	Cả vụ
I. Nhiệt độ TB (°C)								
- ĐX 2015 - 2016	24,5	18,6	17,3	16,6	20,3	25,6	28,6	4.613,2
- ĐX 2016 - 2017	22,9	20,8	19,4	19,8	21,9	24,9	28,1	4.784,6
- ĐX 2017 - 2018	22,6	17,7	18,1	17,7	22,9	23,5	29,3	4.606,6
- ĐX 2018 - 2019	23,8	19,9	17,9	22,5	22,7	27,6	28,1	4.918,6
- ĐX 2019 - 2020	23,0	18,9	19,5	19,5	23,4	23,3	29,3	4.759,1
TBNN	21,6	18,3	16,8	17,9	20,5	24,3	27,6	4.457,4
II. Lượng mưa (mm)								
- ĐX 2015 - 2016	110,6	53,7	100,4	9,1	27,2	25,0	145,9	471,9
- ĐX 2016 - 2017	26	4,8	84,8	12,5	53,4	77,5	56,2	315,2
- ĐX 2017 - 2018	3,4	53,3	17,1	4,9	39,4	50,0	225,0	393,1
- ĐX 2018 - 2019	15,1	60,4	26,6	30,3	43,7	119,2	170,6	465,9
- ĐX 2019 - 2020	62,0	4,6	110,1	32,8	133,0	163,1	257,9	763,5
TBNN	57,3	18,3	25,4	26,3	45,9	85,3	162,9	421,4
III. Số giờ nắng (giờ)								
- ĐX 2015 - 2016	80	48,0	47,0	89,0	25,0	77,0	129,0	495,0
- ĐX 2016 - 2017	109	133,0	48,0	66,0	45,0	85,0	165,0	651,0
- ĐX 2017 - 2018	79	70,0	28,0	26,0	94,0	95,0	197,0	589,0
- ĐX 2018 - 2019	107,0	95,0	28,0	86,0	50,0	112,0	99,0	577,0
- ĐX 2019 - 2020	123,0	131,0	16,0	58,0	44,0	61,0	183,0	616,0
TBNN	132,0	111,0	67,0	48,0	50,0	92,0	160,0	660,0
IV. Độ ẩm tương đối (%)								
- ĐX 2015 - 2016	84	83,0	85,0	76,0	84,0	86,0	81,0	82,7
- ĐX 2016 - 2017	81	75,0	84,0	76,0	85,0	82,0	78,0	81,0
- ĐX 2017 - 2018	76	78,0	83,0	76,0	79,0	82,5	79,0	79,1
- ĐX 2018 - 2019	79,0	83,0	85,0	84,0	83,0	82,0	81,0	82,4
- ĐX 2019 - 2020	78,0	80,0	85,0	82,0	86,0	85,0	82,0	82,6

**Bảng 02. Diện tích - Năng suất - Sản lượng
một số cây hàng năm vụ Đông Xuân 2019 - 2020**

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)	Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)	Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)
1	Lúa	29.886,6	-264,2	61,13	-1,18	182.704,0	-5.176,1
2	Ngô	2.207,6	-141,0	51,40	-1,39	11.347,2	-1.051,1
3	Khoai lang	294,2	-19,4	101,69	0,04	2.991,4	-196,0
4	Rau xanh	2.475,5	-19,0	226,89	-3,57	56.165,6	-1.322,5
5	Đậu, đỗ các loại	156,1	-6,3	11,91	0,68	185,9	3,5
6	Đậu tương	69,2	0,7	19,54	0,51	135,2	4,9
7	Lạc	1.629,2	-92,8	22,12	0,13	3.603,2	-183,5
8	Cây TĂGS	1.404,5	166,4	-	-	-	-
9	Hoa các loại	38,9	13,0	-	-	-	-
10	Cây HN khác	263,5	4,1	-	-	-	-
	Tổng:	38.425,3	-358,4				

**Bảng 03. Diện tích - Năng suất - Sản lượng lúa
vụ Đông Xuân 2019 - 2020**

TT	Huyện, thành phố	Diện tích (ha)		Năng suất (tạ/ha)		Sản lượng (tấn)	
		Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)	Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)	Vụ Đông Xuân 2019-2020	So cùng kỳ (\pm)
1	Vĩnh Yên	1.194,0	-108,4	59,02	-0,02	7.047,4	-641,7
2	Phúc Yên	2.066,8	-34,2	56,27	-0,89	11.629,5	-379,5
3	Sông Lô	2.910,1	-7,5	58,43	-0,98	17.003,8	-330,4
4	Lập Thạch	3.981,0	-30,4	61,22	-0,96	24.372,2	-569,8
5	Tam Dương	3.277,7	-11,9	60,56	-1,11	19.849,4	-436,6
6	Tam Đảo	2.208,9	102,1	47,60	-2,37	10.515,4	-11,7
7	Bình Xuyên	3.881,1	-241,6	60,10	-0,42	23.327,3	-1.624,7
8	Yên Lạc	4.583,4	-43,3	68,30	-0,90	31.303,1	-715,5
9	Vĩnh Tường	5.783,6	111,0	65,11	-2,09	37.655,8	-466,5
	Tổng:	29.886,6	-264,2	61,13	-1,18	182.704,0	-5.176,1

Bảng 04. Cơ cấu trà lúa vụ Đông Xuân 2019 - 2020

TT	Trà lúa	Diện tích (ha)	Tỷ lệ diện tích (%)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Xuân sớm	2.694,2	9,01	57,42	15.468,8
2	Xuân muộn	27.192,4	90,99	61,50	167.235,2
	Tổng:	29.886,6	100,00	61,13	182.704,0

Bảng 05. Cơ cấu giống và năng suất lúa vụ Đông Xuân 2019 - 2020

TT	Tên giống	Diện tích		Trong đó diện tích các huyện, thành phố (ha)									Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
		Ha	Tỷ lệ %	Vĩnh Yên	Phúc Yên	Sông Lô	Lập Thạch	Tam Dương	Tam Đảo	Bình Xuyên	Yên Lạc	Vĩnh Tường		
1	TBR225	13.481,5	45,1	619,5	878,0	955,0	1.974,0	1.786,5	550,0	1.800,9	1.793,6	3.124,0	63,11	85.079,1
2	Thiên ưu 8	4.352,7	14,6	80,0	204,0	570,0	729,6	310,2	210,0	629,3	572,9	1.046,7	61,96	26.970,0
3	Khang dân 18	4.341,3	14,5	150,0	490,0	219,0	290,6	735,5	801,0	626,2	676,7	352,3	57,99	25.174,6
4	ADI 28	1.208,3	4,0	55,0	50,0	100,0	90,0	280,2	3,0	122,0	310,0	198,1	63,43	7.663,5
5	HT1	998,2	3,3	114,1	190,0	255,0	97,3	0,0	80,0	42,2	0,0	219,6	59,09	5.897,8
6	Nếp các loại	767,2	2,6	4,6	120,0	215,0	17,3	0,0	68,0	206,6	0,0	135,7	55,53	4.260,7
7	BC15	496,0	1,7	8,5	0,0	132,0	127,0	0,0	10,0	0,0	163,5	55,0	64,02	3.175,3
8	Lúa lai	411,3	1,4	25,2	5,0	30,0	223,6	0,0	50,0	69,0	8,5	0,0	56,21	2.312,2
9	Giống khác	3.830,1	12,8	137,2	129,8	434,1	431,6	165,2	436,9	384,9	1.058,2	652,3	57,89	22.170,8
	Tổng:	29.886,6	100,0	1.194,0	2.066,8	2.910,1	3.981,0	3.277,7	2.208,9	3.881,1	4.583,4	5.783,6	61,13	182.704,0

**Bảng 06. Kế hoạch Diện tích - Năng suất - Sản lượng
một số cây trồng chính vụ Đông Xuân 2020 - 2021**

TT	Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Lúa	29.500,0	62,70	184.965,0
2	Ngô	2.200,0	53,00	11.660,0
3	Khoai lang	300,0	102,00	3.060,0
4	Rau xanh	2.700,0	230,00	62.100,0
5	Đậu, đỗ các loại	160,0	12,00	192,0
6	Đậu tương	70,0	20,00	140,0
7	Lạc	1.650,0	22,50	3.712,5
8	Cây TĂGS	1.500,0	-	-
9	Hoa các loại	40,0	-	-
10	CHN khác	380,0	-	-
	Tổng:	38.500,0		

**Bảng 07. Kế hoạch diện tích - Năng suất - Sản lượng lúa
vụ Đông Xuân 2020 - 2021**

TT	Huyện, thành phố	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Vĩnh Yên	1.200,0	59,5	7.140,00
2	Phúc Yên	2.050,0	58,0	11.890,00
3	Sông Lô	2.900,0	59,5	17.255,00
4	Lập Thạch	4.000,0	61,0	24.400,00
5	Tam Dương	3.200,0	62,0	19.840,00
6	Tam Đảo	2.050,0	57,0	11.685,00
7	Bình xuyên	3.800,0	60,0	22.800,00
8	Yên Lạc	4.550,0	68,8	31.305,83
9	Vĩnh Tường	5.750,0	67,2	38.649,17
	Tổng:	29.500,0	62,7	184.965,00